

**Phụ lục 01**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC CỦA**  
**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**1. Tổng số vị trí việc làm (viết tắt là VTVL): 39 vị trí, trong đó:**

- Nhóm VTVL công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí (từ mã SCT-LĐ.01.01 đến mã SCT-LĐ.08.08).

- Nhóm VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Công Thương: 12 vị trí (từ mã SCT-CN.01.09 đến mã SCT-CN.12.20).

- Nhóm VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 15 vị trí (từ mã SCT-CM.01.21 đến mã SCT-CM.15.35).

- Nhóm VTVL hỗ trợ phục vụ: 04 vị trí (từ mã SCT-PV.01.36 đến mã SCT-PV.04.39).

**2. Sắp xếp theo thứ tự như sau:**

Stt	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Biên chế và hợp đồng lao động tương ứng
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>		<b>16</b>
1	Giám đốc Sở	SCT-LĐ.01.01	1
2	Phó Giám đốc Sở	SCT-LĐ.02.02	3
3	Trưởng phòng thuộc Sở	SCT-LĐ.03.03	4
4	Chánh Thanh tra Sở	SCT-LĐ.04.04	1
5	Chánh Văn phòng Sở	SCT-LĐ.05.05	1
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	SCT-LĐ.06.06	4
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	SCT-LĐ.07.07	1
8	Phó Chánh Văn phòng Sở	SCT-LĐ.08.08	1
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		<b>9</b>
1	Chuyên viên chính về quản lý công nghiệp	SCT-CN.01.09	2
2	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	SCT-CN.02.10	
3	Chuyên viên chính về quản lý năng lượng	SCT-CN.03.11	1
4	Chuyên viên về quản lý năng lượng	SCT-CN.04.12	2 (thực hiện tinh giản 01 biên chế vào năm 2026)

<b>Stt</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Mã vị trí việc làm</b>	<b>Biên chế và hợp đồng lao động tương ứng</b>
5	Chuyên viên chính về quản lý thương mại trong nước	SCT-CN.05.13	2
6	Chuyên viên về Quản lý thương mại trong nước	SCT-CN.06.14	
7	Chuyên viên chính về Quản lý thương mại Quốc tế	SCT-CN.07.15	Kiêm nhiệm
8	Chuyên viên về Quản lý thương mại quốc tế	SCT-CN.08.16	
9	Chuyên viên chính về Quản lý hóa chất	SCT-CN.09.17	Kiêm nhiệm
10	Chuyên viên về Quản lý hóa chất	SCT-CN.10.18	1
11	Chuyên viên về quản lý cạnh tranh	SCT-CN.11.19	1
12	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	SCT-CN.12.20	Kiêm nhiệm
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung</b>		<b>8</b>
1	Thanh tra viên về công tác thanh tra	SCT-CM.01.21	2
2	Chuyên viên về công tác thanh tra	SCT-CM.02.22	
3	Chuyên viên về pháp chế	SCT-CM.03.23	Kiêm nhiệm
4	Chuyên viên về tổng hợp	SCT-CM.04.24	1
5	Chuyên viên về Quản trị công sở	SCT-CM.05.25	Kiêm nhiệm
6	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	SCT-CM.06.26	1
7	Kế toán viên chính	SCT-CM.07.27	
8	Kế toán viên	SCT-CM.08.28	
9	Chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	SCT-CM.09.29	1
10	Chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	SCT-CM.10.30	2
11	Chuyên viên về Tổ chức bộ máy	SCT-CM.11.31	Kiêm nhiệm
12	Văn thư viên	SCT-CM.12.32	1
13	Văn thư viên trung cấp	SCT-CM.13.33	
14	Cán sự về lưu trữ	SCT-CM.14.34	Kiêm nhiệm
15	Cán sự thủ quỹ	SCT-CM.15.35	Kiêm nhiệm
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>		<b>3</b>
1	Nhân viên kỹ thuật	SCT-PV.01.36	Kiêm nhiệm

<b>Stt</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Mã vị trí việc làm</b>	<b>Biên chế và hợp đồng lao động tương ứng</b>
2	Nhân viên lái xe	SCT-PV.02.37	03 (HĐ theo NĐ 111)
3	Nhân viên phục vụ	SCT-PV.03.38	Thuê khoán
4	Nhân viên bảo vệ	SCT-PV.04.39	Thuê khoán
	<b>Tổng số</b>		<b>36 (đến năm 2026 còn 35 biên chế và hợp đồng lao động)</b>